

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Bùi Thế Hanh

2, Ông Lê Thanh Miện

**- Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa:** Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/7/2022 và 09/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLST- DS ngày 18/10/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS ngày 27/5/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 74/2022/QĐST-DS ngày 22/6/2022, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 74/2022/QĐST-DS ngày 22/6/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1963. Cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: + Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

+ Anh Đặng Văn Nh, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

+ Chị Đặng Thị N, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn BT, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Ngh, sinh năm 1967. Cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến S trình bày: Mỗi quan hệ giữa ông và ông K là quen biết xã hội, ở cùng khu phố. Ông chỉ biết ông K là làm kinh doanh đồ gỗ gia đình. Do có nhu cầu về vốn nên ông K thường xuyên vay tiền của vợ chồng ông, hiện nay ông K và bà V còn nợ của vợ chồng ông tổng số tiền là 1.050.000.000 đồng, các lần vay cụ thể là:

+ Lần 1: Ngày 28/11/2017, ông K vay của ông số tiền 150 triệu đồng, có giấy biên nhận, ông K ký tên vào bên vay. Chữ viết điền vào phần trống trong giấy vay tiền là do ông K viết và tự ký, ông chỉ ký vào bên cho vay tiền. Bà V có đi cùng ông K xuống nhà ông hỏi vay tiền nhưng bà V không K. Thời gian vay là 05 ngày kể từ ngày vay.

+ Lần 2: Ngày 01/01/2018, ông K có vay số tiền 300.000.000 đồng. Chữ viết là do ông viết, chữ ký và chữ viết bên vay tiền là của ông K. Khoản vay này không thoả thuận thời gian vay. Để đảm bảo cho khoản vay, ông K và bà V có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đất được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 852930 cho ông Đặng Văn K tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và vay vốn giữa cá nhân với cá nhân ngày 14/5/2018 giữa ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị V với ông là Nguyễn Tiến S. Trên đất không có tài sản gì.

+ Lần 3: Ngày 05/5/2018 cả ông K và bà V cùng ký nhận vào giấy vay tiền với số tiền 600.000.000 đồng. Thời gian vay là 15 ngày kể từ ngày vay.

Ông K và bà V vay tiền của ông với mục đích là để kinh doanh. Đã nhiều lần ông đòi nhưng ông K và bà V không trả. Ông xác định đây là công nợ chung của vợ chồng ông K bà V. Sau khi ông K chết thì ông không biết ông K để lại những di sản gì, ông cũng không biết gia đình ông K đã phân chia di sản thừa kế của ông K hay chưa. Ông không biết chị Nhàn và anh Nhã có được hưởng di sản gì của ông K hay không. Nay ông yêu cầu bà V cùng hai con là anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông tổng số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng. Ông rút yêu cầu trả tiền lãi tạm tính là 130.000.000 đồng. Trường hợp bà V, anh Nhã, chị Nhàn không thanh toán được khoản nợ thì ông yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất ở trên để thu hồi nợ.

Ngoài ra còn một số lần vay khác nhưng ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ông đã nộp thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Bị đơn là Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai được thể hiện trong hồ sơ vụ án, bà V trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Văn K. Ông K chết năm 2020 (ngày 06/2 âm lịch). Bố mẹ đẻ của ông K cũng chết lâu rồi. Bà và ông K có 02 người con chung là chị Đặng Thị N và anh Đặng Văn Nh. Sau khi ông K chết, gia đình chưa phân chia di sản của ông K. Bà xác định bà và ông K chưa vay khoản tiền nào của vợ chồng ông S, bà Ngh. Bà biết ông K có vay của vợ chồng ông S bà Ngh là 150 triệu và thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất ở tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th, Hiệp Hòa đã được cấp CNQSD đất mang tên ông Đặng Văn K số BY852930 do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 05/3/2015 có diện tích 114,7 m<sup>2</sup>. Việc ông K vay tiền và thế chấp bằng quyền sử dụng đất ở trên thì bà không có ý kiến gì.

Đối với chữ viết và chữ ký dưới mục “Bên vay tiền” tại giấy biên nhận vay tiền ngày 05/5/2018 dương lịch là “Vy, Nguyễn Thị V” nhìn giống chữ ký và chữ viết của bà nhưng thực tế bà không biết có phải là chữ ký, chữ viết của bà hay không. Bà không yêu cầu giám định đối với chữ viết và chữ ký trên của bà. Chữ ký và chữ viết của ông K trong các giấy vay tiền của các ngày 28/11/2017, ngày 01/01/2018, ngày 05/5/2018 bằng mắt thường bà thấy giống chữ viết và chữ ký của ông K nhưng thực tế có phải chữ ký, chữ viết của ông K hay không thì bà không biết. Đối với hợp đồng thế chấp ngày 14/5/2018 tại Văn phòng công chứng Hiệp Hòa thì bà xác định bà và ông K có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và vay vốn này. Mục đích vay tiền trong hợp đồng thế chấp ngày 14/5/2018 tại văn phòng công chứng Hiệp Hòa thì bà không biết. Bà xác định chữ ký “Vy- Nguyễn Thị V” trong Hợp đồng thế chấp ngày 14/5/2018 đúng là chữ ký của bà, bà có ký tại văn phòng công chứng Hiệp Hòa. Thời điểm đó ông K làm nghề buôn bán đồ gỗ, bàn ghế từ gỗ. Ông K vẫn đóng góp thu nhập chăm lo cho gia đình, ông K buôn bán gỗ từ năm 2013 đến khoảng năm 2019 thì gặp khó khăn nợ nần nên gia đình mới chuyển đi làm ăn ở Bắc Ninh được khoảng 01 năm sau thì ông K chết, mẹ con bà chuyển về thôn BT, xã ĐB để ở và sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng bà sống tại thị trấn Th từ 2008- 2019 thì bà ở nhà bán nước, bán hàng cơm, hàng ăn uống, được khoản 03- 04 năm thì bà đi làm ăn ở Bắc Ninh, sáng đi tối về. Mức thu nhập của bà chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, còn lại là do ông K lo liệu, gánh vác. Hiện nay bà làm nghề tóc tại địa phương, mức thu nhập khoảng 2,5-3 triệu đồng/tháng. Nay ông S, bà Ngh yêu cầu bà trả số tiền là 1.050.000.000đ thì bà không đồng ý vì bà xác định đây là khoản nợ riêng của ông K. Bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

\* Bị đơn là chị Đặng Thị N vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ, chị N trình bày: Chị là con đẻ của ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị V (Ông K đã chết năm 2020). Chị đã nhận được thông báo về việc ông Nguyễn Tiến S khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị V và các con về việc trước đây

ông K có ký giấy vay tiền với ông S. Tuy nhiên do hiện nay chị đi làm công ty nên không thể lên Tòa án làm việc theo giấy báo được. Về vụ việc thì chị xác định chị không biết việc ông K vay mượn tiền của ông S như thế nào. Chỉ đến khi có thông báo của Tòa án thì chị mới được biết. Việc ông K khi vay tiền của ông S, bà Ngh có thể chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất ở tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th, huyện Hiệp Hoà mang tên ông Đặng Văn K, chị xác định đây là tài sản riêng của ông K, chị không liên quan và cũng không biết việc này.

Nay ông S, bà Ngh yêu cầu bà V, anh Nhã và chị phải trả số nợ là 1.050.000.000 đồng thì chị không đồng ý. Chị xác định đây là khoản nợ riêng của ông K, không liên quan gì đến chị.

Kể từ khi ông K chết đến nay, gia đình chị chưa phân chia di sản thừa kế của ông K. Chị đi lấy chồng và có gia đình riêng từ năm 2008, nên chị xác định không liên quan và không biết khoản nợ trên của ông K. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất mang tên ông Đặng Văn K đã thế chấp cho ông S, bà Ngh là tài sản riêng của ông K, chị không ý kiến gì. Do chị đi làm công ty, công việc không thể thu xếp được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như các phiên xét xử của vụ án này. Chị cũng được giải thích về các trường hợp được trợ giúp pháp lý, chị không thuộc các đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý. Ngoài ra chị không còn ý kiến gì khác.

\* Bị đơn là anh Đặng Văn Nh được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Ngh trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông S. Bà yêu cầu bà V là vợ ông K cùng hai con là anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà và ông S tổng số tiền nợ là 1.050.000.000 đồng. Trường hợp bà V, anh Nhã, chị Nhàn không thanh toán được khoản nợ thì bà yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N trả cho ông Nguyễn Tiến S và bà Ngô Thị Ngh số tiền 1.050.000.000 đồng trong phạm vi tài sản thế chấp.

Trường hợp bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Tiến S và bà Ngô Thị Ngh có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đất được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 852930 cho ông Đặng Văn K tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và vay vốn giữa cá nhân với cá nhân ngày 14/5/2018 giữa ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị V với ông là Nguyễn Tiến S để thu hồi nợ.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N phải chịu 43.500.000 đồng án phí DSST theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông Nguyễn Tiến S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N phải chịu 900.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông S được nhận lại số tiền này khi bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N nộp.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là bà Nguyễn Thị V và chị Đặng Thị N đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Văn Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Tiến S yêu cầu bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N trả số tiền vay là 1.050.000.000 đồng. Giữa ông Nguyễn Tiến S với bà Nguyễn Thị V, ông Đặng Văn K có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự yêu cầu trả nợ và yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*". Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tiến S yêu cầu bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Nguyễn Thị Nhân trả số tiền vay là 1.050.000.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của ông S và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định ông Đặng Văn K có vay của vợ chồng ông S ba lần với tổng số tiền gốc 1.050.000.000 đồng. Ngày 28/11/2017, ông K vay số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 01/01/2018, ông K vay số tiền 300.000.000 đồng và ngày 05/5/2018 cả ông K và bà V cùng ký vay số tiền là 600.000.000 đồng). Đối với khoản vay ngày 28/11/2017, chỉ có mình ông K ký giấy vay tiền nhưng trong giấy vay tiền thể hiện mục đích kinh doanh, bà V thừa nhận có biết việc ông K vay số tiền 150.000.000 đồng của ông S và có thể chấp quyền sử dụng đất cho ông S. Theo bà V thì ông K làm nghề kinh doanh đồ gỗ và ông K có đóng góp thu nhập chăm lo cho gia đình. Đối với khoản tiền vay 300.000.000 đồng mặc dù chỉ có mình ông K đã ký nhận bên vay tiền nhưng khoản vay này các bên thống nhất có thể chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đất được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 852930 cho ông Đặng Văn K. Bản thân bà V xác định bà cùng ông K ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Hiệp Hoà để bảo đảm cho việc vay tiền của ông K. Đối với khoản vay 600.000.000 đồng thì cả ông K và bà V cùng ký giấy vay tiền. Bà V không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của bà và ông K. Như vậy có đủ căn cứ xác định đây là công nợ chung của ông K và bà V theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông K và bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông K đã chết, ông S bà Ngh yêu cầu bà V trả nợ là có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Ông S và bà Ngh yêu cầu hai con của ông K và bà V là anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N cùng có nghĩa vụ trả số tiền 1.050.000.000 đồng thì thấy: Ông S không xác định được anh Nhã và chị Nhân có được hưởng di sản gì của ông K hay không. Theo bà V và chị Nhân thì sau khi ông K chết thì gia đình chưa chia di sản thừa kế của ông K, theo bà V và chị Nhân thì quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th) là tài sản riêng của ông K. Do vậy không có căn cứ để buộc anh Nhã và chị Nhân cùng liên đới với bà V trả nợ theo yêu cầu của ông S và bà Ngh theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

- Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là

tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th) thì thấy: Việc thế chấp tài sản bảo đảm được các bên thực hiện theo đúng trình tự quy định. Bà V và chị Nhân không có ý kiến gì về việc thế chấp tài sản này để đảm bảo cho khoản vay. Anh Nhã không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông S bà Ngh yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th) là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật dân sự.

Ông S rút yêu cầu trả tiền lãi tạm tính là 130.000.000 đồng. Xét thấy việc rút phần yêu cầu này của ông S là tự nguyện nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà đề nghị buộc bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Đặng Thị N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tiến S và bà Ngô Thị Ngh là không phù hợp.

[6]- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Tiến S được nhận lại số tiền 900.000 đồng khi bà V nộp.

[7]- Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả ông Nguyễn Tiến S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 615 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị V trả cho ông Nguyễn Tiến S và bà Ngô Thị Ngh số tiền là 1.050.000.000 đồng.

Trường hợp bà V không trả nợ hoặc trả không đúng cho ông S và bà Ngh thì ông S và bà Ngh có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại thửa số 195, tờ bản đồ số 09, diện tích 114,7 m<sup>2</sup> tại thôn Đức Thịnh, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đất được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 852930 cho hộ ông Đặng Văn K tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và vay vốn giữa cá nhân với cá nhân ngày 14/5/2018 giữa ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị V với ông là Nguyễn Tiến S.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Tiến S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị V, anh Đặng Văn Nh và chị Nguyễn Thị Nhàn trả số tiền lãi 130.000.000 đồng.

2. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Bà Nguyễn Thị V phải chịu 43.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Nguyễn Tiến S số tiền tạm ứng án phí đã nộp bao gồm: 13.600.000 đồng theo biên lai thu số 0007608 ngày 18/10/2021 và 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007789 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị V phải chịu 900.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Tiến S được nhận lại số tiền 900.000 đồng khi bà Nguyễn Thị V nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Chuyên**